

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT
NAM VIET CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence – Freedom - Happiness

Số/No.: 467 /CV-KTTC

An Giang, ngày 28 tháng 08 năm 2026
An Giang, dated August 28, 2026

Trích yếu: "Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế
hợp nhất 6 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước"
Ref: "Explanation of the difference in consolidated net profit
for the first six months of 2026 compared to the same period last year"

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/Ho Chi Minh Stock Exchange

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi
nhuận sau thuế hợp nhất so với cùng kỳ năm trước như sau:

*Nam Viet Corportation (Stock symbol: ANV) explains the difference in consolidated net
profit compared to the same period last year as follows:*

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 6 tháng đầu năm 2026 lãi 330,2 tỷ đồng, giảm
khoảng 29% so với cùng kỳ năm trước./ *The consolidated net profit for the first six
months of 2026 was 330,2 billion VND, representing a decrease of approximately 29%
compared to the same period last year:*

- Doanh thu thuần hợp nhất đạt 3.778 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ năm trước
do sản lượng tăng./ *Consolidated net revenue reached VND 3,778 billion, an increase
of 33% compared to the same period last year due to higher sales volume.*

- Tỷ lệ lợi nhuận gộp giảm 8% so với cùng kỳ năm trước do chi phí nguyên vật
liệu đầu vào tăng./ *The gross profit margin decreased by 8% year-on-year due to rising
input material costs.*

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 26 tỷ đồng, chủ yếu do khoản lãi tiền gửi
ngân hàng tăng cao so với cùng kỳ năm trước/ *Financial income increase by VND 26
billion, mainly due to a significant increase in interest income from term
deposits compared to the same period last year.*

- Chi phí tài chính tăng 23 tỷ đồng, trong đó chi phí lãi vay tăng 19 tỷ đồng so với
cùng kỳ năm trước/ *Financial expenses increased by VND 23 billion, of which interest
expense increased by 19 billion compared to the same period last year.*

- Chi phí bán hàng tăng 41 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước/ *Selling expenses
increased by VND 41 billion compared to the same period last year.*



Công ty giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết / *We hereby explain to you and our valued shareholders.*

Trân trọng kính chào/ *Yours faithfully,*

Nơi nhận/To:

- Như trên/As above
- Ban TGD/ The BoM
- Lưu VT/To be filed

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
SIGNED FOR GENERAL DIRECTOR



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Minh Cảnh



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2 - 3
3. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	4
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
5. Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	6 - 9
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	10
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	11 - 12
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	13 - 58
9. Phụ lục	59 - 60



THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600168736, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 23 tháng 7 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh An Giang cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất dầu Bio-diesel. Chi tiết: Chế biến dầu cá và bột cá;
- Mua bán cá, thủy sản;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Khai thác khoáng sản: Crômít, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm);
- Sản xuất và mua bán phân bón;
- Bán buôn hóa chất;
- Sản xuất, chế biến và mua bán thức ăn thủy sản;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất và bán buôn thuốc thú y, thủy sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất điện năng lượng mặt trời;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng nhà ở;
- Xây dựng nhà không ở;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Sản xuất keo Gentaline và Glycerin (nguyên liệu để sản xuất vỏ con nhộng chứa thuốc);
- Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cho thuê nhà, đất không phải để ở như văn phòng, cửa hàng, trung tâm thương mại, nhà xưởng sản xuất, khu triển lãm và nhà kho, trung tâm thương mại;
- Trồng lúa.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Điện thoại : +84 (0296) 3834060
- Fax : +84 (0296) 3834054

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau đây:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Đại Tây Dương N.V – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Ấn Độ Dương – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Nhà máy Dầu cá Bột cá Ấn Độ Dương – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ



Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Doãn Tới	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Minh Ý	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2019
Ông Trần Minh Cảnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ủy ban Kiểm toán

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Nguyễn Thị Minh Ý	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2022
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Doãn Tới	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2020
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2011
Ông Nguyễn Văn Vỹ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Minh Cảnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Thanh Liêm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 3 năm 2022
Ông Doãn Chí Thiên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2026
Bà Dương Thị Kim Hương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Doãn Tới – Tổng Giám đốc.

Ông Doãn Tới đã ủy quyền cho Ông Trần Minh Cảnh – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 theo Giấy ủy quyền số 01/GUQ-KTTC ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công bố của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2026



Số: 1.1364/26/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 27 tháng 8 năm 2026, từ trang 06 đến trang 60, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Hoàng Thái Vương****Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.041.858.254.167	3.476.485.727.551
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		37.459.241.652	34.061.077.001
1. Tiền	111	V.1	37.459.241.652	34.061.077.001
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		652.346.792.004	602.662.108.872
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	652.346.792.004	602.662.108.872
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.421.549.070.235	1.257.858.572.935
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.244.758.606.335	1.044.635.313.575
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	172.863.212.575	190.812.192.261
3. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	40.066.230.282	58.982.267.280
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(36.138.978.957)	(36.571.200.181)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.312.711.739.635	1.190.487.123.326
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.337.025.207.340	1.206.569.318.120
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142	V.7	(24.313.467.705)	(16.082.194.794)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		426.944.383.861	231.029.043.451
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151	V.8a	426.944.383.861	231.029.043.451
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		190.847.026.780	160.387.801.966
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.9a	44.938.169.701	48.268.943.817
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		125.006.495.016	100.457.757.010
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.19	1.488.338.681	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165	V.10	19.414.023.382	11.661.101.139



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.391.867.488.599	2.348.229.739.323
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		33.651.335.000	34.470.215.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	33.651.335.000	34.470.215.000
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.183.865.625.258	1.102.107.620.611
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	713.314.929.253	489.153.088.550
- Nguyên giá	222		2.046.456.300.662	1.725.558.194.119
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.333.141.371.409)	(1.236.405.105.569)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	139.508.263.106	279.037.917.629
- Nguyên giá	225		208.233.688.089	384.853.529.281
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(68.725.424.983)	(105.815.611.652)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	331.042.432.899	333.916.614.432
- Nguyên giá	228		375.235.022.868	375.235.022.868
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(44.192.589.969)	(41.318.408.436)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230	V.8b	6.403.497.102	2.827.913.631
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		6.403.497.102	2.827.913.631
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		6.403.497.102	2.827.913.631
- Nguyên giá	234		8.602.572.750	2.827.913.631
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		(2.199.075.648)	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		419.559.307.207	446.571.890.566
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.14	419.559.307.207	446.571.890.566
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		68.467.704.333	68.601.470.338
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2b	62.667.151.061	61.660.931.313
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2c	20.304.000.000	20.304.000.000
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	V.2c	(14.503.446.728)	(13.363.460.975)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		679.920.019.699	693.650.629.177
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.9b	671.817.309.570	688.731.684.653
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	V.15	8.102.710.129	4.918.944.524
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
5. Lợi thế thương mại	279		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		6.433.725.742.766	5.824.715.466.874



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.576.629.220.654	2.297.846.759.468
I. Nợ ngắn hạn	310		2.523.105.978.155	2.230.874.234.646
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	466.750.402.671	315.489.462.981
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	33.618.101.480	27.412.520.128
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.18	2.262.332.899	2.300.332.899
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.19	73.429.872.562	151.281.511.184
5. Phải trả người lao động	315	V.20	64.593.759.309	87.358.582.685
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.21	32.123.782.219	29.012.941.756
7. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319		835.431.672	1.678.118.897
9. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.22	25.244.994.573	15.719.633.913
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.23a	1.824.026.821.465	1.600.292.650.898
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	220.479.305	328.479.305
13. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		53.523.242.499	66.972.524.822
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	337	V.25	11.738.550.641	12.019.722.618
6. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.23b	38.864.453.664	53.171.320.060
8. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
9. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342	V.26	2.920.238.194	1.781.482.144
11. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.857.096.522.112	3.526.868.707.406
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.27	2.666.675.000.000	2.666.675.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.666.675.000.000	2.666.675.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412	V.27	21.489.209.100	21.489.209.100
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415	V.27	(27.587.629.848)	(27.587.629.848)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	1.196.519.942.860	866.292.128.154
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	420a		866.292.128.154	866.292.128.154
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		330.227.814.706	-
11. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.433.725.742.766	5.824.715.466.874

Phê duyệt, ngày 27 tháng 8 năm 2026


Đinh Minh Khoa
Người lập

Cao Thị Kim Thơ
Kế toán tổng hợp
TUQ của Kế toán trưởngTrần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc
TUQ của Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

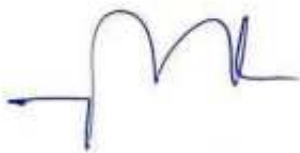
(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.837.383.653.791	2.856.263.779.343
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	59.041.816.342	23.768.931.597
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.778.341.837.449	2.832.494.847.746
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	3.140.276.508.208	2.122.434.253.168
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		638.065.329.242	710.060.594.578
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	45.259.111.188	18.966.249.981
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	60.321.232.340	36.643.294.789
Trong đó: chi phí đi vay	24		53.285.968.872	33.963.994.343
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	187.109.160.401	145.584.793.937
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	40.301.080.815	35.654.737.194
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27	V.2b	1.006.219.748	(138.658.668)
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		396.599.186.622	511.005.359.971
13. Thu nhập khác	31	VI.8	4.966.706.463	3.603.212.371
14. Chi phí khác	32	VI.9	1.406.218.340	669.994.763
15. Lợi nhuận khác	40		3.560.488.123	2.933.217.608
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		400.159.674.745	513.938.577.579
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	71.976.869.594	48.377.145.022
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.15, V.26	(2.045.009.555)	732.260.586
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		330.227.814.706	464.829.171.971
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		330.227.814.706	464.829.171.971
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.240	1.746
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.240	1.746

Phê duyệt, ngày 27 tháng 8 năm 2026

Đinh Minh Khoa
Người lậpCao Thị Kim Thơ
Kế toán tổng hợp
TUQ của Kế toán trưởngTrần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc
TUQ của Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
(Theo phương pháp gián tiếp)
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		400.159.674.745	513.938.577.579
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		108.083.560.650	66.314.568.187
- Các khoản dự phòng	03	V.2c, 6, 7	8.939.037.440	(23.905.851.409)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(1.818.540.946)	(2.491.689.816)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	V.2b, VI.4, 8	(23.385.467.802)	(1.045.535.729)
- Chi phí đi vay	06	VI.5	53.285.968.872	33.963.994.343
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		545.264.232.959	586.774.063.155
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(216.351.976.796)	(462.007.266.054)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(130.455.889.220)	82.749.445.241
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		139.294.898.642	102.306.087.224
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(13.685.064.656)	2.267.634.806
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14	V.21, VI.5	(52.833.351.901)	(35.048.891.741)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.19	(151.460.983.549)	(25.847.196.086)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.24	(108.000.000)	(82.000.000)
- Tăng, giảm tài sản sinh học	18		(199.490.923.881)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(79.827.058.402)	251.111.876.545
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, 14, VII	(104.021.417.027)	(109.834.565.020)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.11, VI.8	382.993.771	22.291.978.879
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(504.496.414.355)	(27.519.489.226)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		461.820.876.111	38.619.278.716
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2a, V.5a, VI.4	20.101.120.687	1.654.409.427
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(126.212.840.813)	(74.788.387.224)



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.23	2.684.275.646.478	1.962.672.738.872
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.23	(2.442.620.810.852)	(2.212.737.129.445)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.23	(32.175.382.377)	(74.263.948.592)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18	(38.000.000)	(18.050.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		209.441.453.249	(324.346.389.165)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3.401.554.034	(148.022.899.844)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	34.061.077.001	219.090.199.195
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.389.383)	32.355.741
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	37.459.241.652	71.099.655.092



Phê duyệt, ngày 27 tháng 8 năm 2026

Đinh Minh Khoa
Người lập

Cao Thị Kim Thơ
Kế toán tổng hợp
TUQ của Kế toán trưởng

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc
TUQ của Người đại diện theo pháp luật

304498
CÔNG TY
TOÁN VI
A&I
A - TP



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong nhiều lĩnh vực kinh doanh gồm: nuôi, chế biến thủy sản, sản xuất điện năng lượng mặt trời, sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và cho thuê tài sản. Trong đó thủy sản là lĩnh vực hoạt động chính, chiếm khoảng 97% doanh thu của Công ty trong kỳ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty nuôi cá; chế biến cá xuất khẩu. Sản phẩm chính của Công ty là cá tra và cá rô dưới dạng phile đông lạnh cung cấp cho thị trường trong nước (chiếm khoảng 24%) và xuất khẩu (chiếm khoảng 76%).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Doanh thu của Tập đoàn kỳ này tăng trưởng đáng kể so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do sản lượng xuất khẩu sang thị trường châu Mỹ gia tăng mạnh. Tuy nhiên các chi phí sản xuất, chi phí hoạt động, chi phí lãi vay tăng làm lợi nhuận trước thuế giảm.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 06 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ (đầu năm có 07 công ty con). Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

6a. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Nuôi trồng thủy sản nội địa	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Sản xuất thức ăn thủy sản	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt ⁽ⁱ⁾	19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	0%	100%	0%	100%

(i) Ngày 05 tháng 3 năm 2026, Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt đã nhận được thông báo giải thể.

6b. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là Công ty TNHH Amicogen Nam Việt có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là chiết xuất và sản xuất collagen, gelatin thủy phân dùng cho dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là 50% (số đầu năm là 50%).

6c. Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Đại Tây Dương N.V – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Ấn Độ Dương – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Nhà máy Dầu cá Bột cá Ấn Độ Dương – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, các công ty trong Tập đoàn lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"); Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính ("Thông tư 43") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 và Thông tư 43 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn.

8. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán "ANV" theo Quyết định số 160/QĐ-SGDHCM ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Sở Giao dịch Chứng khoán. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 07 tháng 12 năm 2007. Số lượng cổ phiếu đang niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 266.255.750 cổ phiếu, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam ("VND") do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99, Thông tư 202, Thông tư 43 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư 200 và Thông tư 43 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202.

Việc áp dụng này được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99, Thông tư 43 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Tập đoàn thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99, Thông tư 43 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Tập đoàn áp dụng phương pháp phi hồi tố.

Các thay đổi sau đây, Thông tư 99, Thông tư 43 không có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể. Do đó, Tập đoàn áp dụng phương pháp phi hồi tố:

- Tài sản sinh học.
- Phải trả cổ tức, lợi nhuận.

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới trên đến số liệu so sánh như sau:

	Mã số	Số liệu		Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
		trước điều chỉnh	Các điều chỉnh		
Các khoản tương đương tiền	112	11.661.101.139	(11.661.101.139)	-	(i)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	602.446.094.366	216.014.506	602.662.108.872	(ii)
Hàng tồn kho	141	1.437.598.361.571	(231.029.043.451)	1.206.569.318.120	(iii)
Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151	-	231.029.043.451	231.029.043.451	(iii)
Tài sản ngắn hạn khác	165	-	11.661.101.139	11.661.101.139	(i)
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành (Nguyên giá)	234	-	2.827.913.631	2.827.913.631	(iv)
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	691.559.598.284	(2.827.913.631)	688.731.684.653	(iv)
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	2.300.332.899	2.300.332.899	(v)
Phải trả ngắn hạn khác	320	18.019.966.812	(2.300.332.899)	15.719.633.913	(v)



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Điều chỉnh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở xuống bị hạn chế sử dụng từ khoản mục Các khoản tương đương tiền sang khoản mục Tài sản ngắn hạn khác.
- (ii) Điều chỉnh số dư phải thu cho vay ngắn hạn sang trình bày ở khoản mục Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn.
- (iii) Điều chỉnh số dư súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần, có chu kỳ ngắn hạn từ khoản mục Hàng tồn kho sang khoản mục Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn.
- (iv) Điều chỉnh số dư súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ, có chu kỳ dài hạn từ khoản mục Chi phí chờ phân bổ dài hạn sang khoản mục Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành (Nguyên giá).
- (v) Điều chỉnh số dư phải trả về cổ tức trong khoản mục Phải trả ngắn hạn khác sang trình bày ở khoản mục Phải trả cổ tức, lợi nhuận.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99; Thông tư 202; Thông tư số 43 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (trừ các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thương xuyên có giao dịch).

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ). Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày theo số thuần giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc "Tài sản dài hạn khác" tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua (phí giao dịch, hoa hồng môi giới,...). Lãi dồn tích từ kỳ trước tính đến ngày mua được ghi giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Thu nhập lãi sau ngày mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy, tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư. Trường hợp các bằng chứng tổn thất giảm đi hoặc không còn trong kỳ sau, phần tổn thất đã ghi nhận được hoàn nhập và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Nếu Tập đoàn vay vốn để đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Tập đoàn tại đơn vị được đầu tư tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của đơn vị tại cùng thời điểm.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ. Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường và sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường không được trình bày là hàng tồn kho mà được trình bày là tài sản dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

8. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Tập đoàn thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Tập đoàn như sau:

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã xuất dùng liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính (không quá 02 năm).

Chi phí thuê hoạt động

Chi phí thuê hoạt động quyền sử dụng đất phục vụ cho sản xuất, kinh doanh đã trả trước cho nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa

Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng kể từ kỳ tài sản được sửa chữa, bảo dưỡng hoàn thành, đưa vào sử dụng cho đến lần cần sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo (03 năm).

Chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính

Khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định trong trường hợp bán và thuê lại là thuê tài chính được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê lại tài sản.

Các chi phí chờ phân bổ khác

Các chi phí khác đã phát sinh có liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo tiêu thức phù hợp với đặc điểm và bản chất của từng khoản chi phí.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản sinh học

Tài sản sinh học là các tài sản sống do Tập đoàn quản lý, kiểm soát quá trình biến đổi sinh học nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc nắm giữ để bán, bao gồm vật nuôi có khả năng tăng trưởng, sinh sản, suy thoái hoặc sản xuất ra tài sản sinh học mới hay sản phẩm nông nghiệp.

Tài sản sinh học của Tập đoàn bao gồm:

- Cá tra, cá rô phi, cá diêu hồng nuôi thương phẩm và sản xuất sản phẩm, thuộc loại súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần: là súc vật nuôi nhằm mục đích lấy sản phẩm sau một lần thu hoạch để bán.
- Cá tra, cá rô nuôi nhằm mục đích lấy sản phẩm sinh học nhiều lần hoặc định kỳ.

Tài sản sinh học được phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào thời gian dự kiến thu hoạch còn lại tính từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán:

- Tài sản sinh học ngắn hạn: cá nuôi có thời gian dự kiến thu hoạch từ 12 tháng trở xuống hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường, kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán.
- Tài sản sinh học dài hạn: cá nuôi có thời gian dự kiến thu hoạch trên 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận và đo lường ban đầu

Tài sản sinh học được ghi nhận ban đầu theo giá gốc khi phát sinh. Giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp đến việc mua, chăm sóc, nuôi dưỡng tính đến thời điểm ghi nhận, bao gồm: giá mua con giống, chi phí vận chuyển, đào ao/cải tạo ao nuôi, thức ăn, thuốc và hóa chất phòng, trị bệnh thủy sản, nhân công chăm sóc và các chi phí trực tiếp khác có liên quan. Trường hợp các chi phí phát sinh không làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai của Tập đoàn (ví dụ hao hụt do sự cố ngoài định mức phát sinh trong quá trình nuôi) thì được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, không được vốn hóa vào giá gốc tài sản sinh học. Đối với cá nuôi cho sản phẩm định kỳ, giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh từ thời điểm hình thành đến khi đạt giai đoạn trưởng thành. Khi đạt giai đoạn trưởng thành, giá gốc lũy kế được chuyển thành nguyên giá của tài sản sinh học và bắt đầu trích khấu hao.

Đo lường sau ghi nhận ban đầu

Toàn bộ chi phí phát sinh tiếp tục được tích lũy vào giá trị ghi sổ cho đến thời điểm thu hoạch, không trích khấu hao. Khi thu hoạch, toàn bộ giá trị ghi sổ lũy kế được kết chuyển sang giá thành sản phẩm nông nghiệp (hàng tồn kho) trong kỳ thu hoạch. Sau thời điểm thu hoạch, cá thu hoạch được kế toán và trình bày theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 02 – Hàng tồn kho.

Cá giống cho sản phẩm định kỳ được kế toán tương tự tài sản cố định hữu hình. Trong giai đoạn chưa trưởng thành, toàn bộ chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng tiếp tục được tích lũy vào giá gốc, chưa trích khấu hao. Khi đạt giai đoạn trưởng thành, Tập đoàn bắt đầu trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng phát sinh sau giai đoạn trưởng thành được ghi nhận vào chi phí sản xuất sản phẩm sinh học trong kỳ theo tiêu thức phù hợp với đặc điểm của từng loại.

Thời gian khấu hao đối với cá giống nuôi cho sản phẩm định kỳ là 02 – 04 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất tài sản sinh học

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, dự phòng tổn thất tài sản sinh học được trích lập khi có dấu hiệu hoặc bằng chứng cho thấy tài sản sinh học bị tổn thất hoặc giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá trị ghi sổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán tài sản sinh học đó. Việc trích lập và hoàn nhập dự phòng tổn thất tài sản sinh học được thực hiện tương tự như đối với hàng tồn kho và hạch toán vào giá vốn hàng bán:

- Nếu số dự phòng phải trích lập tại thời điểm cuối kỳ lớn hơn số dự phòng đang ghi trên sổ kế toán, phần chênh lệch được trích lập bổ sung, ghi tăng dự phòng và ghi tăng giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Nếu số dự phòng phải trích lập tại thời điểm cuối kỳ nhỏ hơn số dự phòng đang ghi trên sổ kế toán, phần chênh lệch được hoàn nhập, ghi giảm dự phòng và ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Đối cả giống cho sản phẩm định kỳ: khoản dự phòng được trích lập và ghi nhận vào chi phí trong kỳ phù hợp với bản chất tổn thất. Trường hợp khoản tổn thất giảm đi hoặc không còn trong kỳ sau, phần dự phòng đã lập được hoàn nhập ghi nhận vào thu nhập trong kỳ tương ứng.

Trường hợp Tập đoàn bị tổn thất tài sản sinh học do thiên tai, dịch bệnh, hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác dẫn đến phải tiêu hủy/loại bỏ trước thời điểm thu hoạch bình thường, phần giá trị tổn thất được bù đắp bằng dự phòng đã trích lập (nếu có); phần chênh lệch còn lại (nếu số tổn thất thực tế cao hơn số dự phòng đã trích lập) được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Thanh lý, nhượng bán tài sản sinh học

Khi thanh lý hoặc nhượng bán tài sản sinh học, giá trị ghi sổ (và khấu hao lũy kế đối với súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ) được xóa sổ. Chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại được ghi nhận vào thu nhập khác hoặc chi phí khác trong kỳ phát sinh.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 18

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê. Trường hợp không xác định được lãi suất ngầm định, lãi suất sử dụng là lãi suất ghi trong hợp đồng hoặc lãi suất biên đi vay của Tập đoàn tại thời điểm khởi đầu hợp đồng thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê, tài sản cố định được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian có quyền sử dụng đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất ổn định lâu dài không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa chương trình phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 06 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay ("VAS 16"). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/hao mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hàng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Tập đoàn không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của Pháp luật về chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của doanh nghiệp.

17. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh do giao dịch với công ty liên doanh và lãi phát sinh từ giao dịch bán và thuê lại tài sản cố định.

Doanh thu chưa thực hiện không bao gồm: các khoản tiền nhận trước của người mua mà Tập đoàn chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; các khoản doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty mẹ.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận bao gồm:

- Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung.
- Chênh lệch giữa giá mua lại và giá bán tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.
- Phần chênh lệch giữa giá trị nợ gốc trái phiếu chuyển đổi lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành thêm khi chuyển đổi và toàn bộ giá trị quyền chọn chuyển đổi được kết chuyển vào thặng dư vốn bất kể trái chủ có thực hiện quyền chọn hay không.

Chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu thành công được ghi giảm thặng dư vốn. Chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Cổ phiếu mua lại của chính mình

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, toàn bộ số tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu mua lại của chính mình và phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, giá trị thực tế cổ phiếu mua lại được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ bằng cách ghi số âm để ghi giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu. Trường hợp mua lại với mục đích hủy bỏ ngay lập tức, giá trị được ghi giảm trực tiếp vào vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn. Khi tái phát hành, trị giá vốn cổ phiếu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá vốn bình quân được ghi vào thặng dư vốn.

19. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi Tập đoàn hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Tập đoàn hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận chỉ số điện giữa Tập đoàn và Điện lực.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ hoạt động đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào đơn vị đã đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, thời điểm ghi nhận là ngày đăng ký cuối cùng. Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị khác, thời điểm ghi nhận được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của đơn vị nhận đầu tư. Chi phần cổ tức, lợi nhuận thuộc giai đoạn sau ngày đầu tư mới được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, phần thuộc giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư, chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

21. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản này được theo dõi riêng và kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại, Tập đoàn ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: đây là sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ lập báo cáo.
- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, là tài sản cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán, được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa chi phí đi vay bắt đầu khi đồng thời thỏa mãn cả ba điều kiện:

- Chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đã phát sinh;
- Chi phí đi vay đã phát sinh; và
- Các hoạt động cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.

Việc vốn hóa tạm ngừng trong các giai đoạn quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bị gián đoạn một cách bất thường. Việc vốn hóa chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Đối với khoản vay riêng biệt phục vụ việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa là chi phí đi vay thực tế phát sinh trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay này.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

23. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Tập đoàn ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, các công ty trong Tập đoàn xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp. Cuối năm tài chính, các công ty trong Tập đoàn xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hay thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời đó, đồng thời được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng khi có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì không được phản ánh vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào cuối mỗi kỳ kế toán và được giảm xuống trong phạm vi không còn chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất và quy định thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi lập Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ với nhau khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm:

- Công ty liên doanh.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty mẹ, bao gồm Ban Tổng Giám đốc, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Tập đoàn và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Tập đoàn.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Tập đoàn bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- Doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận.
- Kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn).
- Tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	592.859.731	1.525.654.580
Tiền gửi ngân hàng	36.866.381.921	32.535.422.421
- Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited	16.155.673.164	88.047.139
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12.584.884.313	4.689.388.060
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	7.033.151.154	9.387.473.379
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	190.638.115	9.271.746.017
- Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	42.968.491	5.500.126.132
- Các ngân hàng khác	859.066.684	3.598.641.694
Cộng	37.459.241.652	34.061.077.001

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn	652.217.488.524	652.217.488.524	-	602.446.094.366	602.446.094.366	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	410.864.109.590	410.864.109.590	-	277.000.000.000	277.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh An Giang	111.300.000.000	111.300.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP An Bình	82.360.000.000	82.360.000.000	-	79.200.000.000	79.200.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	-	186.200.000.000	186.200.000.000	-
Các ngân hàng khác	40.693.882.026	40.693.882.026	-	30.046.094.366	30.046.094.366	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	6.999.496.908	6.999.496.908	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Cho vay	129.303.480	129.303.480	-	216.014.506	216.014.506	-
Các khoản cho cá nhân vay	119.655.500	119.655.500	-	216.014.506	216.014.506	-
Lãi cho vay dự thu	9.647.980	9.647.980	-	-	-	-
Cộng	652.346.792.004	652.346.792.004	-	602.662.108.872	602.662.108.872	-

Các khoản tiền gửi ngân hàng có giá trị 174.657.991.616 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam, Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam, Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited, Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORNBANK (xem thuyết minh số V.23a) và khoản mở thư tín dụng của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá gốc	69.240.000.000	69.240.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(6.572.848.939)	(7.579.068.687)
Cộng	62.667.151.061	61.660.931.313

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã đầu tư 69.240.000.000 VND tương đương 50% vốn điều lệ vào Công ty TNHH Amicogen Nam Việt.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên doanh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	61.660.931.313	60.892.542.473
Phần lãi/(lỗ) trong kỳ	1.006.219.748	(138.658.668)
Số cuối kỳ	62.667.151.061	60.753.883.805

Tình hình hoạt động của công ty liên doanh

Công ty TNHH Amicogen Nam Việt hoạt động bình thường.

Giao dịch với công ty liên doanh

Các giao dịch giữa Tập đoàn với Công ty TNHH Amicogen Nam Việt được trình bày tại thuyết minh VIII.1b.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tập đoàn đầu tư 2.030.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa, chiếm tỷ lệ 5,08% vốn điều lệ của công ty này.

Giá trị có thể thu hồi

Giá trị có thể thu hồi được xác định dựa trên vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư theo tỷ lệ vốn góp, căn cứ vào Báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư không thể xác định một cách đáng tin cậy. Tập đoàn đã ước tính mức dự phòng tổn thất là 14.503.446.728 VND dựa trên thông tin sẵn có. Đây là ước tính kế toán quan trọng và có thể thay đổi khi có thông tin đầy đủ hơn.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	13.363.460.975	13.401.890.963
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	1.139.985.753	(110.272.251)
Số cuối kỳ	14.503.446.728	13.291.618.712

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu bên liên quan	11.827.479.422	-	5.659.459.041	-
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	11.827.479.422	-	5.659.459.041	-
Phải thu các khách hàng khác	1.232.931.126.913 (35.205.371.592)		1.038.975.854.534 (35.665.566.631)	
P F C International, INC.	248.010.091.752	-	184.314.031.500	-
Pangamia, INC.	264.829.512.829	-	163.775.105.605	-
Các khách hàng nước ngoài	631.232.430.742 (34.332.294.532)		590.353.122.314 (34.792.489.571)	
Các khách hàng trong nước	88.859.091.590 (873.077.060)		100.533.595.115 (873.077.060)	
Cộng	1.244.758.606.335 (35.205.371.592)		1.044.635.313.575 (35.665.566.631)	

Khoản phải thu có giá trị 180.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (xem thuyết minh số V.23a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp nước ngoài	5.845.748.349	10.460.202.591
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	121.080.342.019	113.637.465.169
Các nhà cung cấp trong nước khác	45.937.122.207	66.714.524.501
Cộng	172.863.212.575	190.812.192.261

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	4.926.358.375	-	4.022.784.981	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	4.936.187.183	-
Tiền lãi cho vay	-	-	9.688.596	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	5.437.575.000	-	28.718.955.703	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	29.702.296.907 (933.607.365)		21.294.650.817 (905.633.550)	
Cộng	40.066.230.282 (933.607.365)		58.982.267.280 (905.633.550)	



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5b. Phải thu dài hạn khác**

Các khoản ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

Tập đoàn có các khoản nợ xấu là các khoản phải thu tiền bán hàng và các khoản phải thu khác. Chi tiết như sau:

Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu tiền bán hàng	39.007.174.756	3.801.803.164		39.608.793.101	3.943.226.470
Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	1.971.938.135	1.380.356.694	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	-	-
Từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	-	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	7.608.900.000	3.804.450.000
Từ 02 năm đến dưới 03 năm	8.071.488.234	2.421.446.470	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	462.588.234	138.776.470
Từ 03 năm trở lên	28.963.748.387	-	Từ 03 năm trở lên	31.537.304.867	-
Phải thu khác	1.056.055.200	122.447.835		921.633.550	16.000.000
Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	141.185.050	98.829.535	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	-	-
Từ 01 năm đến dưới 02 năm	35.236.600	17.618.300	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	20.000.000	10.000.000
Từ 02 năm đến dưới 03 năm	20.000.000	6.000.000	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	20.000.000	6.000.000
Từ 03 năm trở lên	859.633.550	-	Từ 03 năm trở lên	881.633.550	-
Cộng	40.063.229.956	3.924.250.999		40.530.426.651	3.959.226.470

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	36.571.200.181	44.138.865.762
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(432.221.224)	182.604.520
Xử lý xóa sổ	-	(350.000.000)
Số cuối kỳ	36.138.978.957	43.971.470.282

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	7.531.560.000	-	4.841.846.100	-
Nguyên liệu, vật liệu ⁽ⁱ⁾	727.857.337.732	-	663.619.207.958	-
Công cụ, dụng cụ	12.429.094.918	-	10.512.892.477	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.434.358.175	-	2.049.002.136	-
Thành phẩm	503.448.864.957	(23.677.686.396)	525.540.515.674	(16.082.194.794)
Hàng hóa	24.693.775	-	5.853.775	-
Hàng gửi đi bán	83.299.297.783	(635.781.309)	-	-
Cộng	1.337.025.207.340	(24.313.467.705)	1.206.569.318.120	(16.082.194.794)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Trong đó, nguyên vật liệu xuất cho các vùng nuôi liên kết có giá trị là 566.836.830.937 VND (số đầu năm là 412.059.197.989 VND).

Hàng tồn kho có trị giá 199.000.000.000 VND (số đầu năm là 243.816.319.587 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Quân đội (xem thuyết minh số V.23a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	16.082.194.794	30.291.371.321
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	8.231.272.911	(23.978.183.678)
Số cuối kỳ	<u>24.313.467.705</u>	<u>6.313.187.643</u>

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (thành phẩm) được trích lập thêm do giá thành tăng. Tập đoàn trích lập dự phòng cho toàn bộ lượng thành phẩm tồn kho có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

8. Tài sản sinh học

8a. Tài sản sinh học ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn</i>				
Cá rô phi, cá diêu hồng	290.635.272.384	290.635.272.384	186.099.153.327	186.099.153.327
Cá tra	136.309.111.477	136.309.111.477	44.929.890.124	44.929.890.124
Cộng	<u>426.944.383.861</u>	<u>426.944.383.861</u>	<u>231.029.043.451</u>	<u>231.029.043.451</u>

Tập đoàn nuôi cá tra, cá rô phi, cá diêu hồng ở các vùng nuôi trên địa bàn tỉnh An Giang và tỉnh Đồng Tháp.

Đây là súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần, có chu kỳ ngắn hạn, thời gian nuôi dưới 12 tháng. Cá được thu hoạch khi đạt kích cỡ theo yêu cầu của từng đơn hàng. Sau khi thu hoạch, toàn bộ sản lượng được chuyển về nhà máy của Tập đoàn để thực hiện chế biến thành sản phẩm cá đông lạnh phục vụ nhu cầu tiêu thụ trong nước và quốc tế.

Không có biến động dự phòng tổn thất của tài sản sinh học ngắn hạn trong kỳ.

8b. Súc vật cho sản phẩm định kỳ đạt đến giai đoạn trưởng thành

	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.827.913.631	-	2.827.913.631
Chuyển từ súc vật chưa trưởng thành	5.774.659.119		
Khấu hao trong kỳ		2.199.075.648	
Số cuối kỳ	<u>8.602.572.750</u>	<u>2.199.075.648</u>	<u>6.403.497.102</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí chờ phân bổ

9a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê tài sản trên đất	1.620.000.001	660.000.001
Công cụ, dụng cụ	5.725.020.915	8.559.910.437
Chi phí sửa chữa	23.307.556.678	20.912.382.990
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	14.285.592.107	18.136.650.389
Cộng	44.938.169.701	48.268.943.817

9b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	602.181.346.362	636.111.560.217
Công cụ, dụng cụ	18.363.108.484	10.328.876.918
Chi phí sửa chữa	18.519.836.069	12.761.514.667
Khoản lỗ của tài sản bán và thuê lại	14.165.581.537	14.848.920.628
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	18.587.437.118	14.680.812.223
Cộng	671.817.309.570	688.731.684.653

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORNBANK – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	7.650.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	6.535.000.000	6.535.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang ⁽ⁱⁱ⁾	5.229.023.382	5.126.101.139
Cộng	19.414.023.382	11.661.101.139

⁽ⁱ⁾ Các khoản tiền gửi được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các ngân hàng này (xem thuyết minh số V.23a).

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản tiền gửi được thế chấp để đảm bảo cho khoản mở thư tín dụng của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang.

11. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tăng giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm.

Trong kỳ và tại ngày kết thúc kỳ kế toán, không có tài sản cố định hữu hình nào đang hiện hữu hoặc đã thanh lý trong kỳ có nguyên giá hoặc giá trị còn lại chiếm từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết các tài sản cố định hữu hình đã thanh lý trong kỳ như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Máy nén lạnh Hasegawa	3.185.912.328	3.185.912.328	-
Dàn ngưng tụ bay hơi EVAPCO 5	1.786.640.107	1.786.640.107	-
Các tài sản cố định hữu hình khác	6.173.962.751	6.005.827.238	168.135.513
Cộng	11.146.515.186	10.978.379.673	168.135.513

12. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	267.630.950.344	117.222.578.937	384.853.529.281
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(172.352.904.073)	(4.266.937.119)	(176.619.841.192)
Số cuối kỳ	95.278.046.271	112.955.641.818	208.233.688.089
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	80.646.913.745	25.168.697.907	105.815.611.652
Khấu hao trong kỳ	7.371.347.996	9.639.426.059	17.010.774.055
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(52.432.208.737)	(1.668.751.987)	(54.100.960.724)
Số cuối kỳ	35.586.053.004	33.139.371.979	68.725.424.983
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	186.984.036.599	92.053.881.030	279.037.917.629
Số cuối kỳ	59.691.993.267	79.816.269.839	139.508.263.106

Trong kỳ và tại ngày kết thúc kỳ kế toán, không có tài sản cố định thuê tài chính nào đang hiện hữu hoặc đã thanh lý trong kỳ có nguyên giá hoặc giá trị còn lại chiếm từ 10% tổng giá trị tài sản cố định thuê tài chính trở lên.

Tập đoàn được quyền mua tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	374.954.031.868	280.991.000	375.235.022.868
Số cuối kỳ	374.954.031.868	280.991.000	375.235.022.868
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.204.952.117	280.991.000	2.485.943.117
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	41.037.417.436	280.991.000	41.318.408.436
Khấu hao trong kỳ	2.874.181.533	-	2.874.181.533
Số cuối kỳ	43.911.598.969	280.991.000	44.192.589.969

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	333.916.614.432	-	333.916.614.432
Số cuối kỳ	331.042.432.899	-	331.042.432.899
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 192.021.431.057 VND (số đầu năm là 93.201.995.356 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TMCP Quân đội (xem thuyết minh số V.23a).

Danh mục tài sản cố định vô hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất Khu vực Mỹ Long (993,1m ²) DE461105	102.233.551.852	11.677.025.752	90.556.526.100
Tài sản cố định vô hình khác	273.001.471.016	32.515.564.217	240.485.906.799
Cộng	375.235.022.868	44.192.589.969	331.042.432.899

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	152.301.969.164	64.985.999.157	(88.303.282.268)	(282.322.800)	128.702.363.253
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	290.151.324.592	70.955.134.916	(59.317.198.032)	(13.057.349.854)	288.731.911.622
Dự án khu nuôi trồng thủy sản Bình Phú	46.175.850.894	4.508.920.520	(2.171.240.545)	(12.714.207.758)	35.799.323.111
Tiền mua đất ⁽ⁱ⁾	22.669.000	632.037.418	-	(654.706.418)	-
Chi phí xây dựng các hạng mục công trình	43.263.683.132	3.859.925.018	(1.753.274.864)	(12.034.204.945)	33.336.128.341
Chi phí đào ao	2.889.498.762	16.958.084	(417.965.681)	(25.296.395)	2.463.194.770
Dự án các khu nuôi trồng thủy sản khác - Đất	209.428.754.654	-	-	-	209.428.754.654
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	15.978.986.090	60.732.911.974	(48.201.560.747)	-	28.510.337.317
Nhà máy chế biến thức ăn	5.775.041.676	1.050.951.111	(5.943.271.485)	(25.528.541)	857.192.761
Các hạng mục khác	12.792.691.278	4.662.351.311	(3.001.125.255)	(317.613.555)	14.136.303.779
<i>Sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	4.118.596.810	3.797.694.321	-	(5.791.258.799)	2.125.032.332
Cộng	446.571.890.566	139.738.828.394	(147.620.480.300)	(19.130.931.453)	419.559.307.207

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do giao dịch bán hàng tồn kho trong Tập đoàn. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	4.918.944.524	7.461.413.314
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	3.183.765.605	(581.234.395)
Số cuối kỳ	8.102.710.129	6.880.178.919

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 15% - 20%.

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	35.016.235.751	14.543.625.576
Công ty TNHH Đại Tây Dương	34.956.235.751	14.543.625.576
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	60.000.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	431.734.166.920	300.945.837.405
Các nhà cung cấp trong nước	332.307.611.011	266.321.608.693
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	90.581.915.757	23.479.394.639
Các nhà cung cấp nước ngoài	8.844.640.152	11.144.834.073
Cộng	466.750.402.671	315.489.462.981

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	5.282.440.117	10.302.268.109
Các khách hàng nước ngoài	28.335.661.363	17.110.252.019
Cộng	33.618.101.480	27.412.520.128

18. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Khoản cổ tức chưa thanh toán do các cổ đông nhỏ chưa nhận.

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	332.389.531	-	5.137.086.923	(4.075.577.619)	1.393.898.835	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.137.886.994	(2.626.225.675)	-	1.488.338.681
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	66.707.283	(66.707.283)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	150.364.513.380	-	71.976.869.594	(151.460.983.549)	70.880.399.425	-
Thuế thu nhập cá nhân	441.387.707	-	2.175.599.107	(1.527.685.042)	1.089.301.772	-
Thuế tài nguyên	14.403.900	-	89.870.368	(86.208.404)	18.065.864	-
Tiền thuê đất	120.516.666	-	-	(72.310.000)	48.206.666	-
Các loại thuế khác	440.000	-	190.342.038	(190.782.038)	-	-
Các loại thuế, phí khác	7.860.000	-	-	(7.860.000)	-	-
Cộng	151.281.511.184	-	80.774.362.307	(160.114.339.610)	73.429.872.562	1.488.338.681



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu	0%
- Cá nguyên liệu	
+ Công ty tự nuôi bán cho tổ chức cá nhân	Không chịu thuế
+ Công ty mua ngoài bán cho tổ chức	Không kê khai tính thuế
+ Công ty mua ngoài bán cho cá nhân	5%
- Sản phẩm, dịch vụ khác ⁽ⁱ⁾	10%

- (i) Trong kỳ, các công ty trong Tập đoàn được giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng từ 10% xuống 8% đối với một số hàng hóa, dịch vụ theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2025 trở đi, Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất theo từng hoạt động sau:

- Thu nhập từ hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời được áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2020 là năm đầu tiên Tập đoàn có thu nhập từ hoạt động này.
- Thu nhập từ hoạt động nuôi trồng trong địa bàn khó khăn được áp dụng thuế suất 10%.
- Thu nhập từ hoạt động nuôi trồng, chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 15%.
- Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Nam Việt	53.578.402.182	23.125.683.039
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	7.969.215.149	14.277.180.410
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	15.266.916	4.558.433.355
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	1.973.967.166	1.790.369.203
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar	248.167.944	225.824.637
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	268.352.794	247.960.411
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	-	708.685
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	7.923.497.443	4.150.985.282
Cộng	71.976.869.594	48.377.145.022



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 5.000 VND/m³ x 8%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

20. Phải trả người lao động

Lương còn phải trả người lao động.

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	4.247.170.409	3.794.553.438
Chi phí vận chuyển	3.362.025.640	2.371.292.300
Chi phí hoa hồng môi giới	18.562.763.939	16.626.896.221
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	5.951.822.231	6.220.199.797
Cộng	32.123.782.219	29.012.941.756

22. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản bảo hiểm phải nộp và kinh phí công đoàn	11.672.935.994	10.274.547.167
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.452.077.680	937.530.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	11.119.980.899	4.507.556.746
Cộng	25.244.994.573	15.719.633.913

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

23. Vay và nợ thuê tài chính

23a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.790.430.397.491	1.548.827.710.943
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(a)	586.032.790.335	399.309.034.549
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang ^(b)	373.843.943.588	483.453.594.843
Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited ^(c)	236.634.894.678	134.718.296.606
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) ^(d)	150.468.204.304	107.244.230.252



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quân đội ^(e)	129.876.837.657	182.521.800.218
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam ^(f)	105.814.498.403	83.743.892.500
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam ^(g)	79.739.365.127	
Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(h)	64.951.442.500	65.263.746.000
Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORNBANK – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	59.427.559.866	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) ^(j)	3.640.861.033	92.573.115.975
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23b)	33.596.423.974	51.464.939.955
Cộng	1.824.026.821.465	1.600.292.650.898

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.13) của Tập đoàn.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.13) của Tập đoàn.
- (c) Khoản vay Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a) của Tập đoàn và bảo lãnh cá nhân của Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (xem thuyết minh số VIII.1a).
- (d) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được bảo lãnh cá nhân của Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty (xem thuyết minh số VIII.1a).
- (e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.13) của Tập đoàn.
- (f) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a) của Tập đoàn, bảo lãnh cá nhân của Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và Ông Doãn Chí Thiện – Phó Tổng Giám đốc Công ty (xem thuyết minh số VIII.1a).
- (g) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (xem thuyết minh số V.2a) của Tập đoàn.
- (h) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.10) của Tập đoàn.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORNBANK để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a và V.10) của Tập đoàn và bảo lãnh cá nhân của Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty (xem thuyết minh số VIII.1a).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a), khoản phải thu (xem thuyết minh số V.3) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.13) của Tập đoàn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
Kỳ này						
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	1.548.827.710.943	2.684.275.646.478	-	(2.442.620.810.852)	(52.149.078)	1.790.430.397.491
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	51.464.939.955	-	14.306.866.396	(32.175.382.377)	-	33.596.423.974
Cộng	<u>1.600.292.650.898</u>	<u>2.684.275.646.478</u>	<u>14.306.866.396</u>	<u>(2.474.796.193.229)</u>	<u>(52.149.078)</u>	<u>1.824.026.821.465</u>
Kỳ trước						
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	1.492.267.344.803	1.962.672.738.872	-	(2.196.070.462.765)	-	1.258.869.620.910
Vay dài hạn đến hạn trả	9.999.999.996	-	-	(9.999.999.996)	-	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	122.201.972.355	-	43.742.529.614	(64.207.627.693)	-	101.736.874.276
Cộng	<u>1.624.469.317.154</u>	<u>1.962.672.738.872</u>	<u>43.742.529.614</u>	<u>(2.270.278.090.454)</u>	<u>-</u>	<u>1.360.606.495.186</u>

23b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn cá nhân ⁽ⁱ⁾	150.000.000	150.000.000
Nợ thuê tài chính	38.714.453.664	53.021.320.060
Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, truyền dẫn	11.951.906.369	17.770.096.711
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị	9.699.060.914	12.868.526.428
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV – Sumi Trust để mua sắm tài sản cố định	17.063.486.381	22.382.696.921
Cộng	<u>38.864.453.664</u>	<u>53.171.320.060</u>

- (i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Mai Văn Nam để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 07 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Tổng nợ
Số cuối kỳ			
Vay dài hạn cá nhân	-	150.000.000	150.000.000
Nợ thuê tài chính	33.596.423.974	38.714.453.664	72.310.877.638
Cộng	33.596.423.974	38.864.453.664	72.460.877.638
Số đầu năm			
Vay dài hạn cá nhân	-	150.000.000	150.000.000
Nợ thuê tài chính	51.464.939.955	53.021.320.060	104.486.260.015
Cộng	51.464.939.955	53.171.320.060	104.636.260.015

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Kỳ này					
Vay dài hạn cá nhân	150.000.000	-	-	-	150.000.000
Nợ thuê tài chính	53.021.320.060	-	-	(14.306.866.396)	38.714.453.664
Cộng	53.171.320.060	-	-	(14.306.866.396)	38.864.453.664
Kỳ trước					
Vay dài hạn ngân hàng	6.666.666.684	-	(6.666.666.684)	-	-
Vay dài hạn cá nhân	150.000.000	-	-	-	150.000.000
Nợ thuê tài chính	103.744.342.425	28.151.906.000	(10.056.320.899)	(43.742.529.614)	78.097.397.912
Cộng	110.561.009.109	28.151.906.000	(16.722.987.583)	(43.742.529.614)	78.247.397.912

23c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	163.631.160	-	163.631.160
Quỹ phúc lợi	164.848.145	(108.000.000)	56.848.145
Cộng	328.479.305	(108.000.000)	220.479.305

25. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh do giao dịch với công ty liên doanh.

26. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến xử lý khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.781.482.144	1.810.827.386
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	1.138.756.050	151.026.191
Số cuối kỳ	2.920.238.194	1.961.853.577



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

27. Vốn chủ sở hữu

27a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày tại Phụ lục 02 đính kèm.

27b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Doãn Tới	1.466.100.000.000	1.466.100.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	295.288.000.000	295.288.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	21.419.980.000	1.419.980.000
Các cổ đông khác	879.749.520.000	899.749.520.000
Cộng	2.662.557.500.000	2.662.557.500.000

27c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	266.667.500	266.667.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	266.667.500	266.667.500
- Cổ phiếu phổ thông	266.667.500	266.667.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	411.750	411.750
- Cổ phiếu phổ thông	411.750	411.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	266.255.750	266.255.750
- Cổ phiếu phổ thông	266.255.750	266.255.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

27d. Phân phối lợi nhuận

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 số 73/NQ.ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Công ty mẹ đã quyết định chia cổ tức đợt 2 năm 2025 cho các cổ đông với tỷ lệ 5%/mệnh giá. Tổng số cổ tức sẽ trả ước tính khoảng 133.127.875.000 VND. Khoản cổ tức phải trả này chưa được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do Hội đồng quản trị chưa ban hành Nghị quyết về ngày chốt quyền nhận cổ tức.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

28. Các khoản mục ngoại Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ

28a. Tài sản cầm cố, thế chấp

	Giá trị sổ sách		Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Dầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn <i>(xem thuyết minh số V.2a)</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	174.657.991.616	246.246.094.366	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	103.964.109.590	-	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited	17.070.000.000	12.570.000.000	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	12.393.882.026	11.176.094.366	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đại Chứng TNHH KASIKORNBANK	6.100.000.000	5.600.000.000	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng Đại Chứng TNHH KASIKORNBANK
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội	5.130.000.000	-	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Quân đội
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	186.200.000.000	Theo thời hạn của thư tín dụng	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
Phải thu của khách hàng <i>(xem thuyết minh số V.3)</i>	30.000.000.000	30.700.000.000		
Hàng tồn kho <i>(xem thuyết minh số V.7)</i>	180.000.000.000	210.000.000.000	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)
Giá trị hàng tồn kho cá tra và cá rô phi	199.000.000.000	243.816.319.587	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Giá trị hàng tồn kho cá rô phi	199.000.000.000	199.000.000.000	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Quân đội
	-	44.816.319.587	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Giá trị số sách		Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Tài sản ngắn hạn khác (xem thuyết minh số V.10)	19.414.023.382	11.661.101.139		
Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng Đại Chung TNHH KASIKORNBANK – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	7.650.000.000	-	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng Đại Chung TNHH KASIKORNBANK – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	6.535.000.000	6.535.000.000	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang	5.229.023.382	5.126.101.139	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang
Tài sản cố định vô hình (xem thuyết minh số V.13)	192.021.431.057	93.201.995.356		
Quyền sử dụng đất Nhà máy đông lạnh	6.359.642.066	6.359.642.066	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất Nhà máy Nhà máy Thái Bình Dương	9.732.918.784	9.732.918.784	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất nhà máy Bao Bì (13.600,8m ²) số sổ CT10550	11.439.625.882	11.627.160.730	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Quyền sử dụng đất nhà làm việc 3 lầu (3.368,7m ²) số sổ CT10549	2.833.411.874	2.879.861.246	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Quyền sử dụng đất nhà máy (11.973,8m ²) số sổ CT10551	10.071.157.030	10.236.257.962	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Quyền sử dụng đất 20 căn khu Xéo Trôm	54.844.183	54.844.183	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Phú Thuận BR626037 (600m ²)	67.364.833	67.364.833	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Phú Thuận BR626037 (300m ²)	24.891.674	25.299.734	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Phú Thuận BR626042 (515m ²)	57.821.481	57.821.481	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Phú Thuận BR626041 (1200m ²)	134.729.666	134.729.666	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

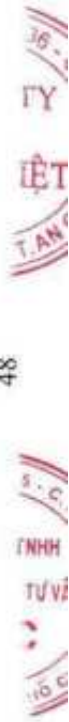
Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Giá trị số sách		Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Phú Thuận BR626041 (1260m ²)	105.908.403	107.558.925	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Phú Thuận BR626051 (289.071m ²)	17.324.604.019	18.026.952.829	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Phú Thuận BR626039 (600m ²)	67.364.833	67.364.833	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Phú Thuận BR626039 (263m ²)	21.821.103	22.178.826	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Phú Thuận BR626040 (600m ²)	67.364.833	67.364.833	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Phú Thuận BR626040 (835m ²)	69.377.895	70.509.057	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Phú Thuận BR626049 (146m ²)	727.083	1.454.166	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Phú Thuận BR626050 (274m ²)	1.363.989	2.727.978	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất khu vực Mỹ Long (993,1m ²) DE461105	90.556.526.100	-	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất khu vực Mỹ Long (68m ²) DE461106	9.485.537.128	-	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất khu vực Mỹ Thới 1 (128.409 m ²)	7.427.051.078	7.427.051.078	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Quyền sử dụng đất khu vực Mỹ Thới 2 (7.296 m ²)	385.327.723	385.327.723	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Quân đội
Quyền sử dụng đất khu vực Mỹ Thới 4 (9.055m ²)	502.445.532	502.445.532	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Quân đội
Quyền sử dụng đất khu vực Mỹ Thới 3 (52.883,4m ²)	96.295.857	211.850.883	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TMCP Quân đội
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Thới Sơn (83.460,9m ²)	16.625.799.142	16.625.799.142	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Giá trị số sách		Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Bình Thạnh 5 BÐ591835 (7.675m²)	717.970.735	717.970.735	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Bình Thạnh 5 BÐ591836 (51.827m²)	4.848.243.556	4.848.243.556	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Bình Thạnh 5 BÐ591838 (14.552m²)	1.361.291.224	1.361.291.224	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)
Quyền sử dụng đất vùng nuôi Bình Thạnh 5 BÐ591839 (16.890m²)	1.580.003.351	1.580.003.351	Theo thời hạn của khoản vay	Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)
Cộng	765.093.446.055	804.925.510.448		



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

28b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	1.125.459,34	563.540,44
Euro (EUR)	2.793,83	2.802,97
Dollar Úc (AUD)	942,50	153,16
Rub Nga (RUB)	969,59	1.629,59

28c. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Khách hàng nước ngoài	9.718.204,85	188.579.975.866	9.718.204,85	188.579.975.866
Khách hàng trong nước		24.542.800.723		24.892.800.723
Cộng		213.122.776.589		213.472.776.589

Nguyên nhân xóa sổ: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi.

29. Giá trị các tài sản đang nắm giữ của các bên khác nhưng bị giới hạn sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các khoản nợ phải trả có nghĩa vụ phải thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật

Tập đoàn không có tài sản đang nắm giữ của các bên khác bị giới hạn sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	3.715.071.045.411	2.786.483.446.603
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	53.758.092.030	56.083.512.639
Doanh thu khác	68.554.516.350	13.696.820.101
Cộng	3.837.383.653.791	2.856.263.779.343

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VIII.1b.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	53.394.947.369	16.210.145.957
Giảm giá hàng bán	5.646.868.973	7.558.785.640
Cộng	59.041.816.342	23.768.931.597



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.062.483.138.523	2.125.622.836.418
Giá vốn của điện năng lượng mặt trời	12.402.121.416	15.952.397.886
Giá vốn khác	57.159.975.358	4.837.202.542
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8.231.272.911	(23.978.183.678)
Cộng	3.140.276.508.208	2.122.434.253.168

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	22.160.140.182	1.298.784.995
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.882.513	13.534.527
Lãi tiền cho vay	4.249.614	40.271.669
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	9.471.482.304	11.693.889.793
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.818.540.946	2.491.689.816
Lãi bán hàng trả chậm	11.510.113.009	3.299.725.195
Doanh thu hoạt động tài chính khác	280.702.620	128.353.986
Cộng	45.259.111.188	18.966.249.981

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	53.285.968.872	33.963.994.343
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.844.047.159	2.674.063.645
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	1.139.985.753	(110.272.251)
Chi phí tài chính khác	51.230.556	115.509.052
Cộng	60.321.232.340	36.643.294.789

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.509.485.097	3.673.092.456
Chi phí vật liệu, bao bì	166.557.937	112.209.712
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.275.417.786	621.057.436
Chi phí hoa hồng	29.604.667.906	29.034.270.284
Chi phí vận chuyển	90.325.562.311	77.858.879.339
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.146.243.064	31.003.530.110
Các chi phí khác	6.081.226.300	3.281.754.600
Cộng	187.109.160.401	145.584.793.937



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	23.069.182.645	22.038.256.662
Chi phí vật liệu quản lý	951.159.814	718.302.102
Chi phí đồ dùng văn phòng	469.219.475	250.965.338
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.083.747.635	2.275.041.771
Thuế, phí và lệ phí	2.919.406.062	2.382.511.185
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(432.221.224)	182.604.520
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.374.175.303	2.036.142.735
Các chi phí khác	7.866.411.105	5.770.912.881
Cộng	40.301.080.815	35.654.737.194

8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	214.858.258	-
Thu bồi thường	3.254.407.937	1.920.034.570
Xử lý công nợ tồn lâu	67.888.041	346.553.350
Thu nhập khác	1.429.552.227	1.336.624.451
Cộng	4.966.706.463	3.603.212.371

9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	154.862.267
Truy thu, chậm nộp thuế	40.001.038	256.709
Phạt vi phạm hành chính	1.247.875.810	11.744.807
Xử lý công nợ tồn lâu	655.715	383.265.845
Chi phí khác	117.685.777	119.865.135
Cộng	1.406.218.340	669.994.763

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	330.227.814.706	464.829.171.971
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	330.227.814.706	464.829.171.971
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	266.255.750	266.255.750
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.240	1.746

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.054.008.016.443	1.265.375.809.316
Chi phí nhân công	473.352.322.436	364.411.048.013
Chi phí khấu hao tài sản cố định	73.498.640.377	66.314.568.187
Chi phí dịch vụ mua ngoài	718.191.009.743	550.467.227.481
Chi phí khác	48.636.760.425	57.105.131.302
Cộng	3.367.686.749.424	2.303.673.784.299

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

Trong kỳ, Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	-	22.592.641.818
Thuế VAT khấu trừ thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	-	2.559.264.182
Nhận nợ thuê tài chính cho tài sản nhập kỳ trước	-	3.000.000.000

2. Số dư các khoản công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả tiền mua tài sản cố định	19.520.015.127	11.457.232.693
Trả trước tiền mua tài sản cố định	17.096.839.748	34.079.543.883

3. Các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Theo hướng dẫn của Thông tư 99 và Thông tư 43, các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu "Tiền và các khoản tương đương tiền" mà được trình bày tại chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc chỉ tiêu "Tài sản dài hạn khác" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Chi tiết về giá trị và lý do hạn chế sử dụng của các khoản tiền và tương đương tiền này được trình bày tại thuyết minh số V.10.

Tổng giá trị các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 19.414.023.382 VND (số đầu năm là 11.661.101.139 VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ chỉ có tạm ứng với số tiền là 1.062.722.000 VND (cùng kỳ năm trước là 499.274.000 VND).

Cam kết bảo lãnh

Ông Doãn Tới dùng tài sản cá nhân để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam, Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam), Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited và Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORN (xem thuyết minh số V.23a).

Ông Doãn Chí Thiên dùng tài sản cá nhân bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (xem thuyết minh số V.23a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm toán nội bộ

	Cộng thu nhập
Kỳ này	
Ông Đỗ Lập Nghiệp - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	595.874.000
Ông Doãn Tới - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	92.739.000
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán	456.909.000
Ông Trần Minh Cảnh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	601.874.000
Ông Lê Tiến Dũng - Trưởng Ban kiểm toán nội bộ	148.130.000
Ông Dương Minh Phong - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ	103.101.000
Bà Dương Thị Kim Hương - Phó Tổng Giám đốc	23.859.000
Ông Nguyễn Văn Vỹ - Phó Tổng Giám đốc	555.874.000
Ông Doãn Chí Thiên - Phó Tổng Giám đốc	155.365.000
Bà Nguyễn Hà Thu Diễm - Kế toán trưởng	288.785.000
Cộng	3.022.510.000



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cộng thu nhập

Kỳ trước

Ông Đỗ Lập Nghiệp - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	668.578.000
Ông Doãn Tới - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	112.986.000
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán	514.929.000
Ông Trần Minh Cảnh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	674.578.000
Ông Lê Tiến Dũng - Trưởng Ban kiểm toán nội bộ	150.599.000
Ông Dương Minh Phong - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ	88.334.000
Bà Dương Thị Kim Hương - Phó Tổng Giám đốc	31.248.000
Ông Nguyễn Thanh Liêm - Phó Tổng Giám đốc	16.690.000
Ông Nguyễn Văn Vỹ - Phó Tổng Giám đốc	608.578.000
Bà Nguyễn Hà Thu Diễm - Kế toán trưởng	240.324.075

Cộng

3.106.844.075

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tập đoàn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ và các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt		
Doanh thu cho thuê	57.870.372	57.870.372
Doanh thu bán thành phẩm	17.616.153.184	10.827.098.800
Mua nguyên liệu	2.230.278.960	1.363.673.553
Chi phí lò hơi	1.092.239.962	508.087.756
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Bán điện năng lượng mặt trời	-	1.293.458.001
Thuê kho	43.693.020.160	26.077.991.532
Phí sử dụng hạ tầng, xử lý nước thải	666.997.587	495.284.457
Thu hộ tiền điện, chi phí khác	2.888.174.373	6.090.664.102
Mua tài sản	-	3.848.343.000
Trả trước tiền mua hàng	-	13.000.000.000
Nhận trả trước tiền mua điện	-	1.100.000.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.16.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	2.860.490.713.735	2.041.863.946.679
Trong nước	917.851.123.714	790.630.901.067
Cộng	3.778.341.837.449	2.832.494.847.746

Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu nằm trong lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến thủy sản với tỷ trọng doanh thu chiếm hơn 97% (cùng kỳ năm trước 98%).

3. Các giả định và ước tính quan trọng

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các giả định và ước tính có ảnh hưởng đến số liệu tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính này. Các giả định và ước tính quan trọng được Ban Tổng Giám đốc đánh giá và cập nhật thường xuyên dựa trên kinh nghiệm lịch sử và các yếu tố liên quan khác.

Các ước tính dưới đây được Ban Tổng Giám đốc xác định là có khả năng ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính giữa niên độ trong kỳ kế toán tiếp theo nếu các giả định thay đổi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tập đoàn ước tính khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên đánh giá khả năng thu hồi của từng khoản nợ phải thu theo tuổi nợ và tình hình tài chính của từng khách hàng. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc dự báo khả năng thanh toán của khách hàng trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế biến động.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 tổng số dư nợ phải thu khách hàng là 1.244.758.606.335 VND, trong đó Tập đoàn đã trích lập dự phòng 35.205.371.592 VND. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng không thể thu hồi là thấp dựa trên lịch sử thanh toán của khách hàng và các thông tin hiện có về tình hình tài chính của từng đối tượng nợ.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau để hạn chế rủi ro nợ khó đòi:

- Tăng cường theo dõi và đôn đốc thu hồi công nợ định kỳ.
- Yêu cầu tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh đối với các khoản nợ có giá trị lớn.
- Rà soát hạn mức tín dụng cho từng khách hàng hàng quý.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tập đoàn ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho dựa trên giá bán dự kiến trừ chi phí bán hàng ước tính. Sự không chắc chắn phát sinh từ biến động giá thị trường, thay đổi nhu cầu của khách hàng và rủi ro lỗi thời của hàng hóa/vật tư tồn kho.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tổng giá trị hàng tồn kho theo giá gốc là 1.337.025.207.340 VND, dự phòng giảm giá đã trích lập là 24.313.467.705 VND. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng giá bán thực tế thấp hơn đáng kể so với ước tính là thấp trong điều kiện thị trường hiện tại, dựa trên xu hướng giá thị trường 6 tháng gần nhất và các đơn hàng đã ký kết

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau để hạn chế rủi ro:

- Kiểm kê và đánh giá chất lượng hàng tồn kho định kỳ hàng quý.
- Điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với nhu cầu thị trường.
- Triển khai các chương trình khuyến mại để đẩy nhanh tiêu thụ hàng tồn kho chậm luân chuyển.
- Đa dạng hóa kênh phân phối để mở rộng thị trường tiêu thụ.

Dự phòng tổn thất tài sản sinh học

Tập đoàn thực hiện đánh giá khả năng tổn thất của tài sản sinh học trên cơ sở tình trạng sinh trưởng, tỷ lệ hao hụt thực tế, giá bán dự kiến, chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí tiêu thụ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Việc xác định giá trị có thể thu hồi của tài sản sinh học chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố như biến động giá thị trường, điều kiện thời tiết, dịch bệnh, tỷ lệ sống, năng suất thu hoạch và các yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến giá trị kinh tế của tài sản.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét tình trạng thực tế của tài sản sinh học, kết quả kiểm kê, diễn biến giá thị trường, tỷ lệ hao hụt thực tế và các thông tin liên quan. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định giá trị có thể thu hồi của tài sản sinh học không thấp hơn giá trị ghi sổ, do đó Tập đoàn không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản sinh học tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng phát sinh tổn thất đáng kể đối với tài sản sinh học là không cao trong điều kiện sản xuất và thị trường hiện tại. Đánh giá này được thực hiện dựa trên kết quả theo dõi quá trình sinh trưởng, tỷ lệ hao hụt thực tế, diễn biến giá bán trong thời gian gần đây và kế hoạch tiêu thụ trong thời gian tới.

Để hạn chế rủi ro tổn thất tài sản sinh học, Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau:

- Kiểm kê và đánh giá tình trạng tài sản sinh học định kỳ;
- Theo dõi chặt chẽ quá trình sinh trưởng, tỷ lệ hao hụt và năng suất dự kiến;
- Áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch bệnh và kiểm soát chất lượng theo quy trình kỹ thuật;
- Điều chỉnh kế hoạch sản xuất và thu hoạch phù hợp với điều kiện thị trường và khả năng tiêu thụ;
- Thường xuyên cập nhật diễn biến giá thị trường để có kế hoạch tiêu thụ phù hợp.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Ước tính thời gian sử dụng hữu ích và giá trị thu hồi của tài sản cố định

Tập đoàn ước tính thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định dựa trên đánh giá kỹ thuật và kinh nghiệm sử dụng thực tế. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc thay đổi công nghệ, cường độ sử dụng và điều kiện bảo dưỡng thực tế khác với giả định ban đầu, dẫn đến thời gian sử dụng thực tế có thể ngắn hơn hoặc dài hơn ước tính.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tổng nguyên giá tài sản cố định là 2.629.925.011.619 VND, giá trị còn lại 1.183.865.625.258 VND. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thời gian sử dụng hữu ích thực tế khác biệt đáng kể so với ước tính là thấp đối với phần lớn tài sản.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau:

- Rà soát và điều chỉnh thời gian sử dụng hữu ích định kỳ hàng năm.
- Thực hiện bảo dưỡng định kỳ theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Đánh giá dấu hiệu tổn thất tài sản tại mỗi ngày báo cáo theo quy định.
- Lập kế hoạch đầu tư thay thế tài sản kịp thời để tránh gián đoạn sản xuất kinh doanh.

Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Việc xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đòi hỏi Ban Tổng Giám đốc thực hiện các giả định về khả năng áp dụng các quy định thuế hiện hành và rủi ro bị cơ quan thuế điều chỉnh khi kiểm tra quyết toán thuế.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau:

- Tham vấn chuyên gia thuế về việc áp dụng các quy định thuế đối với các giao dịch phức tạp.
- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ chứng từ để sẵn sàng giải trình với kiểm tra thuế.
- Theo dõi sát diễn biến chính sách thuế và điều chỉnh ước tính kịp thời.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt, ngày 27 tháng 8 năm 2026



Đinh Minh Khoa
Người lập



Cao Thị Kim Thơ
Kế toán tổng hợp
TUQ của Kế toán trưởng



Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc
TUQ của Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	394.942.147.462	1.025.607.527.459	154.848.676.104	24.418.713.449	125.741.129.645	1.725.558.194.119
Mua trong kỳ	-	92.037.351.991	2.396.430.514	1.673.800.000	-	96.107.582.505
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	9.090.668.491	-	1.777.373.484	-	48.449.156.057	59.317.198.032
Mua lại tài sản cố định thuế tài chính	-	172.352.904.073	4.266.937.119	-	-	176.619.841.192
Thanh lý, nhượng bán	-	(10.005.039.925)	(1.141.475.261)	-	-	(11.146.515.186)
Số cuối kỳ	404.032.815.953	1.279.992.743.598	162.147.941.960	26.092.513.449	174.190.285.702	2.046.456.300.662
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	258.004.358.298	463.732.899.653	60.760.449.347	8.033.525.631	27.928.284.975	818.459.517.904
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	332.281.018.616	705.261.306.824	112.765.230.754	17.006.331.082	69.091.218.293	1.236.405.105.569
Khấu hao trong kỳ	4.840.169.233	36.572.992.731	6.219.044.474	1.350.825.883	4.630.652.468	53.613.684.789
Mua lại tài sản cố định thuế tài chính	-	52.432.208.737	1.668.751.987	-	-	54.100.960.724
Thanh lý, nhượng bán	-	(9.962.739.925)	(1.015.639.748)	-	-	(10.978.379.673)
Số cuối kỳ	337.121.187.849	784.303.768.367	119.637.387.467	18.357.156.965	73.721.870.761	1.333.141.371.409
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	62.661.128.846	320.346.220.635	42.083.445.350	7.412.382.367	56.649.911.352	489.153.088.550
Số cuối kỳ	66.911.628.104	495.688.975.231	42.510.554.493	7.735.356.484	100.468.414.941	713.314.929.253
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

[Signature]

Đinh Minh Khoa
Người lập

[Signature]

Cao Thị Kim Thư
Kế toán tổng hợp

TUQ của Kế toán trưởng



Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

TUQ của Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND				
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Lợi nhuận sau thuế
				chưa phân phối
				Cộng
Số dư đầu năm trước	2.666.675.000.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	136.117.247.017
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	464.829.171.971
Số dư cuối kỳ trước	2.666.675.000.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	600.946.418.988
Số dư đầu năm nay	2.666.675.000.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	866.292.128.154
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	330.227.814.706
Số dư cuối kỳ này	2.666.675.000.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	1.196.519.942.860
				3.526.868.707.406
				330.227.814.706
				3.857.096.522.112

Phê duyệt ngày 27 tháng 8 năm 2026



[Signature]

Đinh Minh Khoa
Người lập

[Signature]

Cao Thị Kim Thơ
Kế toán tổng hợp

TUQ của Kế toán trưởng

[Signature]

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

TUQ của Người đại diện theo pháp luật

